

Cẩm Phả, ngày 16 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty năm 2021

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn Nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TCS ngày 02/10/2015 của HĐQT Công ty về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1.	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	48.936	100
2.	Thuế TNDN	Triệu đồng	11.327	23,15
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	37.609	76,85
3.1	Chia cổ tức (4,5%)	Triệu đồng	14.623	
3.2	Lợi nhuận còn lại được trích bổ sung các quỹ	Triệu đồng	22.986	
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>22.732</i>	
-	<i>Quỹ thưởng Người quản lý Công ty</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>254</i>	

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, H(.....)

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

Cẩm Phả, ngày 16 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty
với doanh nghiệp và người có liên quan

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 280, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NP-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã được sửa đổi bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo, trình Đại hội cổ đông thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

I. Thực hiện năm 2021

1. Thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Công ty ký các hợp đồng mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh với Công ty Tuyển Than Cửa Ông-TKV, Công ty Kho Vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin, 02 đơn vị này là đơn vị trực thuộc TKV (TKV là cổ đông lớn sở hữu 65% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin). Trong năm 2021, tổng giá trị thực hiện giao dịch là 2.667.227.572.509 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV : 1.839.886.935.994 đồng;
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin : 827.340.636.515 đồng.

2. Năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin đã có Nghị quyết thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 14/02/2021 và Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT ngày 05/5/2021 (được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử Công ty). Trong năm 2021, tổng giá trị thực hiện giao dịch là 138.989.941.238 đồng, trong đó:

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong năm	Giá trị bán trong năm
1	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	25.596.263.562	830.523.240
2	Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	15.951.118.114	12.693.750
3	Chi nhánh Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	2.543.552.590	
4	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	515.120.000	2.657.228.420
5	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí	4.492.599.633	

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong năm	Giá trị bán trong năm
6	Công ty cổ phần DL và TM -Vinacomin	56.547.107.199	
7	Công ty cổ phần TM và DL-Vinacomin- CN Vân Long	29.573.734.730	
8	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	270.000.000	

II. Kế hoạch năm 2022

Trong năm 2022, Công ty có hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (nắm giữ 65% vốn điều lệ). Các Công ty trực thuộc gồm: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả- Vinacomin	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
2	Công ty cổ phần Vật tư -TKV (Người nội bộ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty)	Phường Hồng Hà, TP Hà Long, tỉnh Quảng Ninh	Mua, bán xăng dầu, dầu nhớt, mỡ máy, các loại vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh	Giá trị của các hợp đồng giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.

* Thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch: Từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị sẽ báo cáo các hợp đồng, giao dịch trên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban GD Công ty;
- Phòng KH, KTTC, TBK;
- Lưu: HĐQT, TCLĐ (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Cám Phả, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu -Vinacomin năm 2021 họp ngày 26/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, bao gồm:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, gồm các chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2021				
			KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH ĐẦU NĂM	KHĐC
1	Đất đá bóc xúc	M ³	22.420.000	19.400.000	19.399.939	86,5	100,0
2	Than sản xuất	Tấn	3.000.000	2.752.000	2.754.972	91,8	100,1
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.900.000	1.652.000	1.652.256	86,9	100,0
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	1.100.000	1.100.000	1.102.715	100,2	100,2
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M ³ /tấn	11,80	11,74	11,74	99,5	100,0
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.980.000	2.511.000	2.510.724	84,2	100,0
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.859.337	2.660.154	2.678.585	93,6	100,7
-	Trong đó: D.thu than	Tr.đ	2.856.337	2.657.154	2.661.690	93,2	100,2
6	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đ	48.476	59.382	53.711	110,8	90,45
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	22.909	71.575	48.936	213,6	68,3
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	9.622	9.376	8.915	92,7	95,1

1.2. Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2022, gồm các chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
1	Đất đá bóc xúc	M ³	22.230.000
2	Than nguyên khai	Tấn	1.900.000
3	Than sạch từ đất đá lẫn than	Tấn	1.100.000
*	Hệ số bóc	M ³ /tấn	11,70
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.980.000
5	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	3.153.614
	Trong đó: Doanh thu than	Triệu đồng	3.153.614
6	Kế hoạch đầu tư xây dựng	Triệu đồng	16.633
7	Kế hoạch tuyển dụng lao động	Người	132
8	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	9.902
9	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.616
10	Dự kiến chi trả cổ tức	%	≥ 3

Đại hội ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành Công ty căn cứ vào kế hoạch dài hạn (2020-2024) đã điều chỉnh và được TKV phê duyệt để điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022 cho phù hợp với điều kiện thực tế nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

Điều 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Tài sản ngắn hạn : 760,080 tỷ đồng.
2. Tài sản dài hạn : 1.030,001 tỷ đồng.
3. Tổng cộng tài sản : 1.790,082 tỷ đồng.
4. Nợ phải trả : 1.425,471 tỷ đồng.
5. Vốn chủ sở hữu : 364,610 tỷ đồng.
6. Tổng lợi nhuận trước thuế : 48,936 tỷ đồng.
7. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản
 - Khả năng thanh toán nợ đến hạn (lần) : 0,65.
 - Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần) : 3,86.
 - Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ) (lần) : 4,12.
 - Vòng quy hàng tồn kho (DTT/HTK) (lần) : 6,02.
 - Chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%) : 11,50.

+ Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) : 2,15.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
1.	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	48.936	100
2.	Thuế TNDN	Triệu đồng	11.327	23,15
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	37.609	76,85
3.1	Chia cổ tức (4,5%)	Triệu đồng	14.623	
3.2	Lợi nhuận còn lại được trích bổ sung các quỹ	Triệu đồng	22.986	
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>22.732</i>	
-	<i>Quỹ thưởng Người quản lý Công ty</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>254</i>	

Điều 4. Thông qua việc thực hiện chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Trưởng ban KS chuyên trách, tiền lương Người quản lý Công ty năm 2021; kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS năm 2022.

4.1. Báo cáo kết quả thực hiện chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Trưởng ban KS chuyên trách, tiền lương Người quản lý Công ty năm 2021;

a) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2021

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 271.920.000 đồng.

- 03 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 141.760.000 đồng.

Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 413.680.000 đồng.

Bằng chữ: (Bốn trăm mười ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn)

b) Tiền lương chi trả đối với Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách 04 tháng của năm 2021 (từ tháng 01÷4/2021) là 123.979.000 đồng.

c) Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2021: 1.911.666.000 đồng.

4.2. Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS năm 2022

a) Mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2022

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000 x 20% = 5.140.000
2	Thành viên HĐQT	21.900.000 x 20% = 4.380.000
3	Trưởng ban Kiểm soát	22.900.000 x 20% = 4.580.000
4	Thành viên BKS	21.900.000 x 20% = 4.380.000

b) Chi trả phụ cấp đối với Thành viên HĐQT độc lập được trả phụ cấp tương đương mức tiền lương của thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách là 21.900.000 đồng/người/tháng.

c) Việc chi trả thù lao/phụ cấp của các thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, thành viên BKS được tạm ứng 80% mức thù lao/phụ cấp của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 5. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (chi tiết như tài liệu kèm theo).

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung công việc sau:

(i) Lập điều chỉnh dự án và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV theo đúng quy định của pháp luật.

(ii) Triển khai thực hiện phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Thông qua Báo cáo thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan, cụ thể như sau:

6.1. Năm 2021, Công ty ký các hợp đồng mua bán than và các lĩnh vực phục vụ SXKD với Công ty Tuyển Than Cửa Ông-TKV, Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả-Vinacomin là 02 đơn vị trực thuộc TKV với tổng giá trị thực hiện giao dịch là 2.667.227.572.509 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV : 1.839.886.935.994 đồng.
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin : 827.340.636.515 đồng.

6.2. Năm 2021 Công ty đã thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với tổng giá trị thực hiện giao dịch là 138.989.941.238 đồng, gồm:

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong năm	Giá trị bán trong năm
1	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	25.596.263.562	830.523.240
2	Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	15.951.118.114	12.693.750
3	Chi nhánh Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	2.543.552.590	
4	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	515.120.000	2.657.228.420
5	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí	4.492.599.633	
6	Công ty cổ phần DL và TM - Vinacomin	56.547.107.199	
7	Công ty cổ phần DL và TM-Vinacomin-CN Vân Long	29.573.734.730	
8	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	270.000.000	

6.3. Trong năm 2022, Công ty có các hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
1	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (nắm giữ 65% vốn điều lệ). Các Công ty trực thuộc gồm: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông- TKV; Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả- Vinacomin	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
	Công ty cổ phần Vật tư-TKV (Người nội bộ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty)	Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Mua, bán xăng dầu, dầu nhớt, mỡ máy, các loại vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh	Giá trị của các hợp đồng giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.

- Thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch: Từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo các hợp đồng, giao dịch nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 7. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát, gồm:

7.1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2021; (ii) báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 (chi tiết như tài liệu kèm theo).

7.2. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2021.

- Căn cứ kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty do Công ty kiểm toán độc lập “Công ty TNHH PKF Việt Nam” kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2021 đã được BKS Công ty thẩm định xác nhận phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2021; kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Thống nhất các nội dung và ý kiến của Kiểm toán độc lập tại biên bản kết luận kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Điều 8. Thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Đại hội thống nhất phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty và ủy quyền cho HĐQT thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Danh sách các tổ chức kiểm toán gồm:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Điều 9. Nhất trí thông qua kết quả bầu cử các thành viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2022÷2027), gồm các Ông (bà) có tên sau đây:

9.1. Thành viên Hội đồng quản trị, gồm:

- Ông (bà).....Chủ tịch HĐQT.
- Ông (bà)..... Thành viên HĐQT độc lập.
- Ông (bà)..... Thành viên HĐQT.
- Ông (bà)..... Thành viên HĐQT.
- Ông (bà)..... Thành viên HĐQT.

9.2. Thành viên Ban Kiểm soát

- Ông (bà).....Trưởng ban Kiểm soát.
- Ông (bà).....Thành viên BKS.
- Ông (bà).....Thành viên BKS.

Điều 10. Điều khoản thi hành

10.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2022 đã được tiến hành công bằng và hợp pháp. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2022 thông qua.

10.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhất trí giao quyền quản trị, kiểm soát, điều hành Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022÷2027) và Giám đốc điều hành Công ty tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

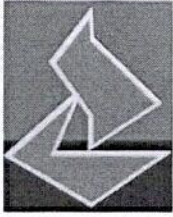
Nghị quyết này đã được thông qua toàn văn trước Đại hội và được sự tán thành của tất cả cổ đông tham dự Đại hội./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Các thành viên Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ, Ph(.....).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Phạm Công Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỌC SÁU-VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

- Họ và tên cổ đông:
- Số lượng cổ phần sở hữu :..... cổ phần.
- Số lượng cổ phần đại diện :..... cổ phần.
- Tổng số cổ phần: cổ phần =% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 1. Thông qua chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022.			
Nội dung 2. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, HĐQT độc lập, BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2022÷2027).			
Nội dung 3. Thông qua báo cáo tổng hợp số lượng, danh sách đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, HĐQT độc lập, BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2022÷2027).			
Nội dung 4. Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.			
Nội dung 5. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.			
Nội dung 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021.			
Nội dung 7. Thông qua báo cáo chi trả tiền thù lao các thành viên HĐQT, BKS, tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách và Người quản lý Công ty năm 2021; đề xuất tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022.			
Nội dung 8. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Thông qua việc Đại hội ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung công việc sau: (i) Lập điều chỉnh dự án và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu-Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-TKV theo đúng quy định của pháp luật. (ii) Triển khai thực hiện phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền			

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 9. Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và Người có liên quan năm 2021 và kế hoạch năm 2022.			
Nội dung 10. Thông qua báo cáo của BKS về (i) kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2021; (ii) báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022; (iii) báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021.			
Nội dung 11. Thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán.			
Nội dung 12. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.			

Cảm Phà, ngày tháng 4 năm 2022

CÔNG ĐỒNG

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Công đồng xác thực bằng việc đánh dấu (x) vào 01 (một) trong 03 (ba) ô tương ứng và nộp lại Phiếu biểu quyết cho Ban Tổ chức ngay sau khi Đại hội kết thúc.